

UBND XÃ QUẢNG LÂM
TRƯỜNG PTĐBT THCS NA CỎ SÀ

BẢNG TỔNG HỢP MUA HÀNG TRONG THÁNG (HS BÁN TRÚ)
THÁNG 12 NĂM 2025 (Nhập theo đúng số lượng nhập các ngày trong tháng)
Tổng số tiền ăn trong tháng = $507 \times 936.000 + (2 \times 403.000) + (1 \times 600.500) = 475.958.500$ đồng

ST T	Tên mặt hàng	Đơn vị	Các ngày trong tháng																														Tổng cộng	Đơn giá	Thành tiền
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30			
1	Thịt xay	Kg	19,58		19,58				19,62					78,47		19,62																	421,75	130.000	54.827.500
2	Thịt lợn	Kg	84,18		99,84				100,05					84,34		100,05																	832,16	130.000	108.180.800
3	Thịt gà	Kg	87,67		172,48				87,66					87,83		172,82																	1.602,49	90.000	144.224.100
4	Cà rô phi	Kg	92,26											92,44																			476,04	80.000	38.083.200
5	Gạo nếp	Kg																															0,00	150.000	-
6	Trứng gà	Qua	1.399				891		636					1403		893		638															13.969	4.000	55.876.000
7	Đầu phụ	Kg			57,85		57,8							58,0		57,9																	530,85	22.000	11.678.700
8	Cà chua	Kg	14,56				7,30							14,56		7,26																	116,04	35.000	4.061.400
9	Bí đỏ	Kg	63,65				63,70							63,75		63,70																	571,55	16.000	9.144.800
10	Su su	Kg	127,30				127,25							127,45		127,50																	1.142,55	16.000	18.280.800
11	Bắp cải	Kg	63,60				63,65		63,60					127,50		63,75		63,70															1.142,20	16.000	18.275.200
12	Gừng	Kg		15																													30,00	35.000	1.050.000
13	Hành	Kg																															21,00	40.000	840.000
14	Muối	Kg																															72,00	5.000	360.000
15	Mì chính	Kg																															15,00	60.000	900.000
16	Kho tàu	Gói																															100,00	6.000	600.000
17	Dầu ăn	lit																															110,00	60.000	6.600.000
18	Nước rửa	Chai																															80,00	30.000	2.400.000
Cộng tiền mua thực phẩm																																			475.382.500
Số tiền trả học sinh nghỉ ốm (tề, tết)																																			576.000
Số tiền chưa chi																																			-
Cộng tổng																																			475.958.500

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Văn Hùng

BẢNG TỔNG HỢP ĂN TRONG THÁNG (HS BÁN TRÚ)
THÁNG 12 NĂM 2025 (Nhập theo đúng bảng công khai thực đơn hàng ngày)
Tổng số tiền ăn trong tháng = $507 \times 936.000 + (2 \times 403.000) + (1 \times 600.500) = 475.958.500$ đồng

ST	Tên mặt T hàng	Đơn vị tính	Các ngày trong tháng																															Tổng số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				
1	Thịt xay	Kg		19,58		19,58			58,85		19,62		19,62		58,5		19,5		19,5			58,38		19,46		19,46			70,2		19,5		421,75	130.000	54.827.500		
2	Thịt lợn	Kg	31,32	52,86	46,98	52,86			31,38	52,96	47,08	52,97			31,2	52,65	46,80	52,65			31,14	52,55	46,71	52,55					39	58,5		832,16	130.000	108.180.800			
3	Thịt gà	Kg	87,67		87,67	84,81	87,66		87,83		87,83	84,99	87,81			87,32		87,32	84,5	87,31		87,14		87,14	87,14	87,15				107		104,17	1602,49	90.000	144.224.100		
4	Cà rô phi	Kg		92,26						92,44						91,89																	107,7		476,04	80.000	38.083.200
5	Giò nạc	Kg																															0	150.000	-		
6	Trứng gà	Qua	1145	254	636	255	636		1148	255	638	255	638		1141	253	634	254	634		1139	253	633	253	632				1141	507	635	13969	4.000	55.876.000			
7	Đầu ghừ	Kg	57,85		57,8				57,95		57,9				57,6		57,6				57,5		57,50							69,15			530,85	22.000	11.678.700		
8	Cà chua	Kg	7,28	7,28	7,3				7,28	7,28	7,26				7,24	7,28	7,24				7,22	7,22	7,2						14,48	14,48		116,04	35.000	4.061.400			
9	Bí đỏ	Kg		63,65			63,7		63,75			63,7				63,4			63,35			63,25			63,35					63,4			571,55	16.000	9.144.800		
10	Su su	Kg	63,65	63,65	63,65	63,6			63,7	63,75	63,75	63,75			63,35	63,4	63,35	63,35		63,2	63,25	63,2	63,25									1142,55	16.000	18.280.800			
11	Bắp cải	Kg	63,6		63,65	63,6			63,75	63,75		63,7			63,35	63,4	63,35	63,3			63,25		63,25	63,25					63,35	63,35			1142,2	16.000	18.275.200		
12	Giống	Kg																																30	35.000	1.050.000	
13	Hành	Kg																																21	40.000	840.000	
14	Mười	Kg																																72	5.000	360.000	
15	Mùi chính	Kg																																15	60.000	900.000	
16	Kho lâu	Gói																																100	6.000	600.000	
18	Dầu ăn	Lít																																110	60.000	6.600.000	
18	Dầu rữa																																	80	30.000	2.400.000	
19	Bát	Chai																																		475.382.500	
																																				576.000	
																																				-	
																																				475.958.500	

NGƯỜI TỔNG HỢP

CÁN BỘ PHỤ TRÁCH

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

for
judging every thing

~~John~~
John



Philippe Van Nuyen